

Bản án số: 205/2021/DS-PT

Ngày 04 - 11 - 2021

V/v tranh chấp hợp đồng chuyển
nhượng quyền sử dụng đất và yêu
cầu bồi thường thiệt hại về tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Bà Hồ Thị Thanh Thuý

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Triệu Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 117/2021/TLPT-DS ngày 09 tháng 7 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 51/2021/DS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 165/2021/QĐPT-DS ngày 21 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Bùi Ngọc H, sinh năm 1985 (có mặt);

Địa chỉ: ấp P, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn:

1. Ông Lê Ngọc Thanh H1, sinh năm 1981 (có mặt);

2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1971 (vắng mặt);

3. Ông Phan Văn T, sinh năm 1970 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Bùi Ngọc H.

- Cơ quan kháng nghị: Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm,

Theo đơn khởi kiện ngày 25/12/2019, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 31/8/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Bùi Ngọc H trình bày:

Ngày 30/7/2008, ông Phan Văn T và bà Nguyễn Thị N ký kết hợp đồng chuyển nhượng cho ông một phần đất có diện tích 86m² thuộc thửa 474, tờ bản đồ số 1, tọa lạc ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre với giá 2.700.000 đồng. Hợp đồng được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C. Sau khi ký kết hợp đồng, ông Bùi Ngọc H đã trả tiền cho ông T, bà N. Ông T, bà N đã giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giao đất cho ông canh tác kể từ ngày ký kết hợp đồng.

Tuy nhiên, đến ngày 12/8/2019 thì ông Lê Ngọc Thanh H1 thông báo cho ông phải di dời toàn bộ cây giống ra khỏi đất nêu không ông Lê Ngọc Thanh H1 sẽ san bằng hết đất. Thời điểm này, trên đất có 700 cây sầu riêng giống đã tháp bo, sau đó đã bị ông Lê Ngọc Thanh H1 tiêu hủy hết, sự việc này ông có trình báo chính quyền địa phương nhưng không được giải quyết. Phần đất này, hiện tại ông Lê Ngọc Thanh H1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên nhân ông Lê Ngọc Thanh H1 được cấp giấy chứng nhận là do bà N có đơn có mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này để được cấp lại, sau đó bà N tiếp tục lập hợp đồng chuyển nhượng cho ông Lê Ngọc Thanh H1. Trong khi đó, bà N đã giao giấy cho ông giữ, nguyên nhân ông chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần này là do Phòng Tài nguyên và Môi trường cho rằng thửa 474, tờ bản đồ số 1, diện tích còn lại sai thiếu 2m² nên yêu cầu phải thực hiện đo đạc lại. Sau đó, ông có gặp bà N yêu cầu bà N làm đơn xin đo đạc lại nhưng bà N chỉ hẹn mà không thực hiện. Năm 2011 đo đạc chính quy, ông có kê khai và đứng ra chỉ ranh, phần đất có cạnh giáp đất ông Lê Ngọc Thanh H1 và ông Lê Ngọc Thanh H1 cũng thống nhất ranh với ông.

Nay ông Bùi Ngọc H yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 30/7/2008 giữa ông Bùi Ngọc H với bà Nguyễn Thị N và ông Phan Văn T đối với phần đất có diện tích 86m² thuộc thửa đất 474, tờ 1, ấp L, xã P (sau này 489, tờ 11, diện tích 45,3m²); hiện tại phần đất này thuộc một phần thửa đất 506, tờ 11 do ông Lê Ngọc Thanh H1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Yêu cầu ông Lê Ngọc Thanh H1 giao trả cho ông phần đất diện tích 45,3m² thuộc một phần thửa đất 506, tờ 11, tọa lạc ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre do ông Lê Ngọc Thanh H1 đang quản lý, sử dụng.

- Điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05425 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp cho ông Lê Ngọc Thanh H1 ngày 31/7/2019 đối với phần đất có diện tích 45,3m² thuộc một phần thửa đất 506, tờ 11, tọa lạc ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Buộc ông Lê Ngọc Thanh H1 bồi thường số tiền 56.000.000 đồng tiền đã thủ tiêu 700 cây sầu riêng giống đã tháp bo (80.000 đồng/cây x 700 cây). Tại đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 31/12/2020 ông Bùi Ngọc H rút yêu cầu ông Lê Ngọc Thanh H1 bồi thường số tiền 56.000.000 đồng do đã thủ tiêu 700 cây sầu riêng giống đã tháp bo.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 20/3/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Ngọc Thanh H1 trình bày:

Thửa đất 506, tờ 11 do ông đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nguồn gốc một phần là do cha ruột của ông tặng cho thửa đất 497, diện tích 1.625,9m² và ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó ông nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị N và ông Phan Văn T thửa 489, tờ 11, diện tích 45,3m² (thực tế là bà N trả lại cho ông vì đất này trước đây là của bà ngoại của ông để lại cho ông, nên ông không phải trả tiền cho bà N). Sau đó ông làm thủ tục hợp thửa 2 thửa đất trên thành thửa 506, tờ 11.

Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông và ông Bùi Ngọc H phát sinh tranh chấp, việc ông Bùi Ngọc H có mua đất của bà N hay không thì ông không biết. Đối với yêu cầu trả đất và yêu cầu bồi thường số tiền 56.000.000 đồng thì ông không đồng ý, ông không có thủ tiêu 700 cây sầu riêng giống của ông Bùi Ngọc H.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N, ông Phan Văn T vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 51/2021/DS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre, quyết định:

Căn cứ vào các điều 5, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 117, 119, 122, 131, 407, 503 của Bộ luật Dân sự; Điều 692 của Bộ luật dân sự 2005; khoản 2 Điều 46, Điều 107 của Luật đất đai năm 2003; khoản 7 Điều 95, khoản 3 Điều 188 của Luật đất đai 2013; Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình; các điều 12, 26, 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Ngọc H đối với bà Nguyễn Thị N và ông Phan Văn T về việc yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 30/7/2008 giữa ông ông Bùi Ngọc H đối với bà Nguyễn Thị N và ông Phan Văn T.

- Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 30/7/2008 giữa ông Bùi Ngọc H đối với bà Nguyễn Thị N và ông Phan Văn T về việc chuyển nhượng phần đất thuộc thửa thửa 474, tờ bản đồ số 1, diện tích 86m², tọa lạc ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre là hợp đồng vô hiệu.

- Buộc bà Nguyễn Thị N và ông Phan Văn T có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông Bùi Ngọc H số tiền là 13.590.000 (mười ba triệu năm trăm chín mươi ngàn) đồng.

- Buộc ông Lê Ngọc Thanh H1 có nghĩa vụ hoàn trả lại giá trị cây trồng cho ông Bùi Ngọc H là 1.050.000 (một triệu không trăm năm mươi ngàn) đồng.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Ngọc H về việc yêu cầu ông Lê Ngọc Thanh H1 phải bồi thường số tiền 56.000.000 đồng là tiền ông Lê Ngọc Thanh H1 đã thủ tiêu 700 cây sầu riêng giống đã thắp bo của ông Bùi Ngọc H.

3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Bùi Ngọc H về việc yêu cầu điều chỉnh một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp cho ông Lê Ngọc Thanh H1 đối với một phần thửa đất số 506, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 07/5/2021, nguyên đơn ông Bùi Ngọc H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 30/7/2008 giữa ông và bà N, ông T là ngay tình, phù hợp quy định của pháp luật, sau khi ký hợp đồng thì bà N, ông T đã nhận đủ tiền và giao đất cho ông sử dụng từ năm 2008, sự việc ông Thanh Hùng vào chiếm đất năm 2019 ông có báo chính quyền địa phương nhưng không được giải quyết. Tòa sơ thẩm nhận định, hợp đồng chuyển nhượng ngày 30/8/2008 nhưng đến năm 2019 không đăng ký vào sổ địa chính là không đúng, bởi vì ông có yêu cầu đo đạc ngay sau khi nhận chuyển nhượng nhưng do sai diện tích nên chưa được cấp giấy nên có yêu cầu bà N, ông T về để giải quyết sai lệch diện tích nhưng bà N, ông T không thực hiện. Ngày 10/5/2021, tại đơn kháng cáo bổ sung, ông Bùi Ngọc H đề nghị hủy án sơ thẩm, chuyển hồ sơ sang cơ quan hình sự để xử lý hành vi lừa đảo đối với bà N.

Ngày 24/5/2021, tại Quyết định kháng nghị số: 03/QĐKN-VK-DS của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre có nội dung: Tòa sơ thẩm nhận định, hợp đồng ngày 30/7/2008 giữa ông Bùi Ngọc H và bà Nguyễn Thị N, ông Phan Văn T là vô hiệu là không đúng. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Lê Ngọc Thanh H1 và bà Nguyễn Thị N là không có thực, vi phạm quy định của pháp luật theo Điều 127 BLDS năm 2015.

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà N, ông T với ông Bùi Ngọc H đủ điều kiện được công nhận nên việc ông Bùi Ngọc H yêu cầu ông Lê Ngọc Thanh H1 trả lại cho ông Bùi Ngọc H phần đất tranh chấp là có cơ sở. Tuy nhiên, ông Lê Ngọc Thanh H1 đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cơ sở hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bà N, hợp đồng chuyển nhượng này vẫn đang tồn tại. Do đó, để công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà N với ông Bùi Ngọc H thì cần phải hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà N với ông Lê Ngọc Thanh H1 mới giải quyết toàn diện vụ án. Tuy nhiên, quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm đương sự chưa có yêu cầu hủy hợp đồng này nên cấp phúc thẩm không có căn cứ để xem xét

giải quyết. Do đó, đề nghị hủy bản án sơ thẩm để giao hồ sơ về cho Tòa án sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nội dung kháng nghị số: 03/QĐKN-VK-DS ngày 24/5/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre đối với Bản án dân sự sơ thẩm số: 51/2021/DS-ST ngày 27/4/2021 của Tòa án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng của các bên đương sự, xét kháng cáo của nguyên đơn, kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Bến Tre đo đạc vào ngày 26/5/2020 thì phần đất tranh chấp trong hợp đồng chuyển nhượng có diện tích 45,3m², loại đất trồng cây lâu năm, thuộc một phần của thửa số 506, tờ bản đồ 11, tọa lạc ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre do ông Lê Ngọc Thanh H1 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn ông Bùi Ngọc H yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 30/7/2008 giữa ông Bùi Ngọc H với bà Nguyễn Thị N và ông Phan Văn T đối với phần đất có diện tích 86m² thuộc thửa đất 474, tờ 1, ấp L, xã P (sau này là thửa 489, tờ 11, diện tích 45,3m²); hiện tại phần đất này đã nhập vào thửa đất số 506, tờ 11, tọa lạc ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre do ông Lê Ngọc Thanh H1 đứng tên; yêu cầu ông Lê Ngọc Thanh H1 giao trả cho ông diện tích 45,3m² (thuộc một phần thửa đất 506) và điều chỉnh giấy chứng nhận của ông Lê Ngọc Thanh H1 đối với diện tích 45,3m² thuộc một phần của thửa 506 sang cho ông đứng tên. Bị đơn ông Lê Ngọc Thanh H1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Xét thấy, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 30/7/2008 đối với phần đất diện tích 86m² thuộc thửa 474, tờ bản đồ số 1, tọa lạc ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre (theo kết quả đo đạc phần đất tranh chấp có diện tích 45,3m² thuộc một phần thửa đất số 506, tờ bản đồ số 11), hợp đồng được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C. Ông Bùi Ngọc H cho rằng, ông đã trả đủ tiền cho bà N, bà N đã giao đất và giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông để ông làm thủ tục. Tuy nhiên, trong thời gian ông làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C cho rằng phần đất có sự sai lệch về diện tích, yêu cầu xác định lại. Sau đó, ông có yêu cầu bà N và ông T kết hợp để xác định đo đạc lại nhưng ông T bà N không hợp tác và bỏ địa phương đi, ông cũng có gọi điện yêu cầu vợ chồng bà N về nhưng ông bà

cũng không về, cho nên ông không làm thủ tục sang tên được và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên ông vẫn còn giữ.

Trong quá trình Tòa sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án, bà N, ông T không có ý kiến và vắng mặt trong tất cả các lần Tòa án mời làm việc, nên xem như bà N và ông T không có ý kiến phản đối. Như vậy, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 30/7/2008 giữa ông Bùi Ngọc H và bà Nguyễn Thị N, ông Phan Văn T được các bên xác lập trên tinh thần tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật về nội dung và hình thức hợp đồng. Lẽ ra, Tòa sơ thẩm căn cứ theo quy định tại điểm a tiểu mục 2.3, mục 2 phần II Nghị quyết 02/2004/NQ- HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để chấp nhận yêu cầu của ông Bùi Ngọc H về yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên nhưng lại tuyên hợp đồng vô hiệu làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông Bùi Ngọc H.

Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Lê Ngọc Thanh H1 với bà Nguyễn Thị N, xét thấy việc ký kết hợp đồng là do bà N có hành vi gian dối, cố ý có mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhằm mục đích thực hiện thủ tục chuyển nhượng phần đất này cho ông Thanh Hùng, do bà N có hành vi gian dối nên hợp đồng vi phạm pháp luật và trái đạo đức xã hội nên không được pháp luật thừa nhận, hơn nữa ông Thanh Hùng cũng thừa nhận không có trả tiền chuyển nhượng đất cho bà N mà thực tế là bà N trả lại đất cho ông vì đất này trước đây là của bà ngoại của ông để lại cho ông. Do đó, có cơ sở xác định giữa bà N và ông Thanh Hùng không có chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên thực tế mà chỉ làm thủ tục thay đổi người đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[4] Từ những phân tích trên, có căn cứ xác định hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Bùi Ngọc H với bà Nguyễn Thị N và ông Phan Văn T đủ điều kiện được công nhận nên việc ông Bùi Ngọc H yêu cầu ông Lê Ngọc Thanh H1 trả lại cho ông Bùi Ngọc H phần đất tranh chấp có diện tích có diện tích 45,3m² thuộc một phần thửa đất số 506, tờ bản đồ số 11 là có cơ sở. Tuy nhiên, do ông Lê Ngọc Thanh H1 đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 506, tờ bản đồ số 11 trên cơ sở hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bà N, hợp đồng chuyển nhượng này vẫn đang tồn tại. Do đó, để công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Bùi Ngọc H với bà N, ông T thì cần phải hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà N với ông Lê Ngọc Thanh H1 mới giải quyết toàn diện vụ án, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn chưa có yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà N với ông Lê Ngọc Thanh H1 nên cấp phúc thẩm không có căn cứ để xem xét giải quyết.

[5] Đồng thời, tại đơn kháng cáo bổ sung và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị đơn ông Bùi Ngọc H trình bày, phần đất tranh chấp ông canh tác đến năm 2014 thì bán lại cho vợ chồng chị Võ Thị Thơ, việc mua bán bằng giấy tay có xác nhận của Trưởng ấp và vợ chồng chị Thơ đã vào canh tác. Tại phiên tòa, ông Lê Ngọc Thanh H1 cũng thừa nhận trên đất có các cây xoài do chị Thơ trồng, đây là tình tiết

mới phát sinh tại cấp phúc thẩm. Cấp phúc thẩm không khắc phục được do ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự, nên cần phải hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện C giải quyết lại theo thủ tục chung.

[6] Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre và kháng cáo của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[7] Do bản án bị hủy nên nguyên đơn không phải chịu án phí phúc thẩm.

[8] Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự,

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 51/2021/DS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre.

Giao toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện C giải quyết lại theo thủ tục chung.

Hoàn lại cho ông Bùi Ngọc H số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0000824 ngày 07/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Hương